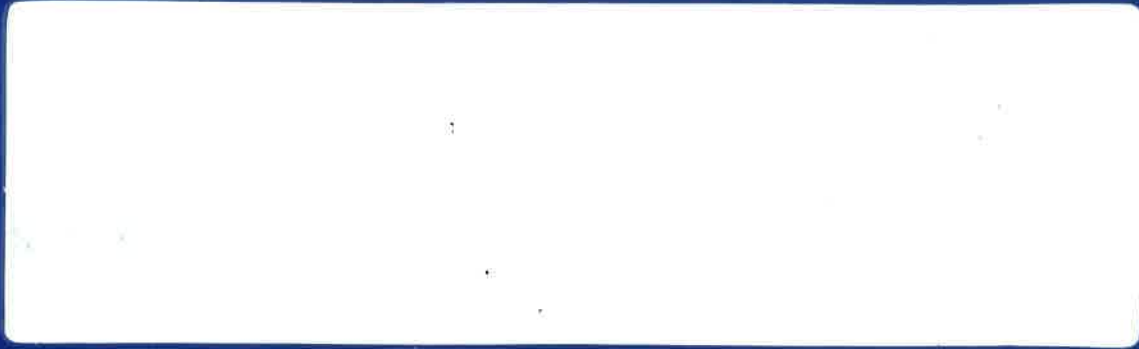




**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

**Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 39

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)
Ông Ramoncito S. Fernandez	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thành**

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2017, từ trang 4 đến trang 40 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Lương Xuân Trường**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2013-072-1  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

**Phạm Thị Toan**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2767-2014-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>789.172.203.457</b>	<b>403.898.088.793</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.404.636.811</b>	<b>6.719.447.716</b>
1. Tiền	111		238.943.146	1.049.447.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.165.693.665	5.670.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.842.590.331</b>	<b>15.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14.a	15.842.590.331	15.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>710.369.596.640</b>	<b>336.471.820.417</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	44.325.533.855	46.445.778.829
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.727.146.150	3.438.866.006
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	229.035.671.296	142.663.082.744
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	439.356.396.690	148.997.534.097
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.075.151.351)	(5.073.441.259)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>58.372.694.009</b>	<b>43.096.407.119</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.000.301.581	43.724.014.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.182.685.666</b>	<b>2.610.413.541</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.653.133	64.897.726
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		399.029.390	858.147.202
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16.a	1.754.003.143	1.687.368.613
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.561.980.622.936</b>	<b>2.951.455.698.795</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>237.245.747.512</b>	<b>231.425.250.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	231.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	5.820.497.512	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.488.361.348</b>	<b>1.686.942.300</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.473.369.367	1.666.950.315
- Nguyên giá	222		2.060.680.935	2.008.990.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(587.311.568)	(342.040.211)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	14.991.981	19.991.985
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.008.019)	(30.008.015)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>883.566.727</b>	<b>396.496.411</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		883.566.727	396.496.411
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.322.362.947.349</b>	<b>2.717.947.010.084</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14.b	2.030.165.886.389	2.232.150.422.644
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14.c	154.483.480.000	295.193.833.284
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	2.902.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	14.a	137.713.580.960	190.602.754.156
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.351.152.826.393</b>	<b>3.355.353.787.588</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.147.348.146.101</b>	<b>1.263.413.537.423</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>576.233.423.343</b>	<b>686.645.848.248</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.249.839.201	17.126.781.929
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.676.725.717	6.395.252.220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.b	17.648.677	10.758.364
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.639.932.143	11.261.063.808
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.200.094	246.201.184
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	66.956.436.023	123.213.911.922
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	474.435.816.667	527.351.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.010.824.821	1.040.378.821
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>571.114.722.758</b>	<b>576.767.689.175</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	78.252.220.500	78.252.220.500
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	492.862.502.258	498.515.468.675
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.203.804.680.292</b>	<b>2.091.940.250.165</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>2.203.804.680.292</b>	<b>2.091.940.250.165</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.626.496.378	17.061.076.378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		236.972.785.818	142.673.775.691
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.960.916.691	7.292.748.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		210.011.869.127	135.381.026.759
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.351.152.826.393</b>	<b>3.355.353.787.588</b>



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu  
Ngày 28 tháng 2 năm 2017



**Nguyễn Văn Thông**  
Kê toán trưởng



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>60.958.176.761</b>	<b>141.690.555.222</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	76.453.811	136.365.805
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>60.881.722.950</b>	<b>141.554.189.417</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	57.657.522.371	133.117.589.289
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.224.200.579</b>	<b>8.436.600.128</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	481.463.829.448	292.111.209.542
7. Chi phí tài chính	22	24	125.780.709.543	116.619.851.866
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.743.546.571	96.759.237.398
8. Chi phí bán hàng	25		273.302.244	525.647.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.658.052.324	5.841.141.743
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>352.975.965.916</b>	<b>177.561.168.359</b>
11. Thu nhập khác	31		-	99.474.553
12. Chi phí khác	32		29.680.000	56.404.873
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(29.680.000)</b>	<b>43.069.680</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>352.946.285.916</b>	<b>177.604.238.039</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>352.946.285.916</b>	<b>177.604.238.039</b>



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu  
Ngày 28 tháng 2 năm 2017



**Nguyễn Văn Thông**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>352.946.285.916</b>	<b>177.604.238.039</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư	02	250.271.361	176.879.829
Các khoản dự phòng	03	1.710.092	1.178.829.484
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(210.738)	(1.117.153)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(411.426.455.738)	(272.328.177.021)
Chi phí lãi vay	06	55.743.546.571	96.759.237.398
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(2.484.852.536)</b>	<b>3.389.890.576</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	20.153.122.925	(7.698.187.012)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	5.251.940.063	(22.720.256.635)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(277.139.150.805)	23.316.958.015
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	35.244.593	172.522.094
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(57.002.566.497)	(104.342.985.425)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(77.234.530)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(111.480.000)	(497.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(311.374.976.787)</b>	<b>(108.379.858.387)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(538.760.725)	(1.259.963.958)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	18.123.403.068
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(426.400.000.000)	(605.467.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	339.995.656.589	239.316.584.665
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.710.000.000)	(1.716.283.045.084)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	303.367.670.000	203.533.440.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	159.058.947.630	188.319.998.560
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>349.773.513.494</b>	<b>(1.673.716.582.749)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	732.547.052.000
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	704.556.192.197	1.585.766.818.925
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(508.129.841.947)	(437.586.750.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(239.139.908.600)	(99.373.281.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(42.713.558.350)</b>	<b>1.781.353.839.725</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(4.315.021.643)</b>	<b>(742.601.411)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.719.447.716</b>	<b>7.460.931.974</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	210.738	1.117.153
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>2.404.636.811</b>	<b>6.719.447.716</b>

**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu  
Ngày 28 tháng 2 năm 2017

**Nguyễn Văn Thông**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 12 (31 tháng 12 năm 2015: 11).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm hoạt động

Ngày 10 tháng 5 năm 2016, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII với tỷ lệ đăng ký góp vốn điều lệ là 99,99%, hiện tại Công ty đang trong quá trình góp vốn vào công ty con này.

Ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty hoàn tất thủ tục mua lại 2% vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu, nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết này từ 49,75% lên 51,75%, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu trở thành công ty con của Công ty.

#### Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư vào chín (09) công ty con và hai (02) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY** (tiếp theo)

**Công ty con đầu tư trực tiếp**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,75%	56,02%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

**Công ty con đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình**

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	45%	45%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông và các dịch vụ hạ tầng khác

**Công ty liên doanh, liên kết đầu tư trực tiếp:**

Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 13 tháng 10 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Công cụ tài chính** (tiếp theo)

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

***Đầu tư vào công ty con***

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp, theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Ngoại tệ** (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	624.166	1.220.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	238.318.980	1.048.227.533
Các khoản tương đương tiền (i)	2.165.693.665	5.670.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.404.636.811</b>	<b>6.719.447.716</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 2	4.914.921.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	4.047.897.050	-
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	4.028.570.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	3.519.889.738	403.174.738
Công ty CP Him Lam	3.158.377.829	13.894.266.899
Thầu Thiết kế & Xây dựng Dự án Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - đường vành đai ngoài tại TP. Hồ Chí Minh	2.909.750.000	2.715.574.000
Ông Trịnh Văn Hà	-	4.526.151.579
Các khách hàng khác	22.029.994.471	20.878.040.846
<b>Cộng</b>	<b>44.325.533.855</b>	<b>46.445.778.829</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	5.162.881.940	-
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	225.643.033
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phát triển Ninh Thuận	-	424.752.103
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	4.143.778
<b>Cộng</b>	<b>5.669.272.005</b>	<b>654.538.914</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	1.450.000.000
Công ty CP Kim Sơn Hải	820.000.000	820.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Quản lý dự án Sáng Tạo Mới	528.185.000	528.185.000
Các đối tượng khác	528.961.150	640.681.006
<b>Cộng</b>	<b>2.727.146.150</b>	<b>3.438.866.006</b>
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lũ Gia	-	115.500.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>115.500.000</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	229.035.671.296	142.663.082.744
<b>Cộng</b>	<b>229.035.671.296</b>	<b>142.663.082.744</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	229.035.671.296	142.663.082.744
<b>Cộng</b>	<b>229.035.671.296</b>	<b>142.663.082.744</b>

(i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2016 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
<b>Cộng</b>	<b>231.425.250.000</b>	<b>231.425.250.000</b>

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017 là 8,5%/năm. Kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 cho đến khi khoản nợ gốc được thanh toán hết, lãi suất cho vay áp dụng là 0%. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa thỏa thuận được lịch thanh toán nợ với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc trong thời gian 12 tháng tiếp theo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**9. PHẢI THU KHÁC**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	311.016.181.287	96.112.522.212
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</i>	<i>176.242.698.483</i>	<i>57.307.658.030</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	<i>83.415.427.436</i>	<i>38.804.864.182</i>
<i>Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận</i>	<i>16.398.211.568</i>	-
<i>Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình</i>	<i>34.959.843.800</i>	-
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	92.125.094.325	37.274.300.930
Phải thu lãi cho vay	35.689.493.862	15.117.640.175
Phải thu người lao động	42.274.000	42.274.000
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Các khoản chi hộ	31.415.413	33.415.413
Phải thu đối tượng khác	442.937.803	408.381.367
<b>Cộng</b>	<b>439.356.396.690</b>	<b>148.997.534.097</b>

***Trong đó, phải thu các bên liên quan***

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	92.125.094.325	37.274.300.930
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	176.242.698.483	57.307.658.030
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	83.415.427.436	38.804.864.182
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	16.398.211.568	-
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	34.959.843.800	-
<b>Cộng</b>	<b>403.141.275.612</b>	<b>133.386.823.142</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Đặt cọc mua phần vốn góp trong Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu cho Công ty CP Thương mại Nước giải khát Khánh An	5.820.497.512	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Thời gian	Giá trị có thể thu	Thời gian
	VND	hồi quá hạn	hồi quá hạn	VND
Phải thu từ ứng trước tiền hàng	820.000.000	- >3 năm	820.000.000	- >3 năm
Phải thu thi công công trình	546.339.201	- >3 năm	546.339.201	- >3 năm
Phải thu thi công công trình	-	- >3 năm	369.361.503	- >3 năm
Phải thu thi công công trình	1.614.849.071	531.947.875 >3 năm	790.479.419	82.650.429 >3 năm
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	- >3 năm	528.185.000	- >3 năm
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	- 2-3 năm	457.951.000	- 2-3 năm
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.200.655.596	35.396.160 >3 năm	1.205.851.697	36.591.650 2-3 năm
Phải thu khác	474.515.518	- >3 năm	474.515.518	- >3 năm
<b>Cộng</b>	<b>5.642.495.386</b>	<b>567.344.035</b>	<b>5.192.683.338</b>	<b>119.242.079</b>
<b>Giá trị đã lập dự phòng</b>	<b>5.075.151.351</b>		<b>5.073.441.259</b>	

Công ty CP Kim Sơn Hải  
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị  
Công ty CTGT 621  
Các khách hàng khác  
Công ty TNHH TK KT XD  
QLDA Sáng Tạo Mới  
Công ty TNHH PT Công Nghệ  
Môi Trường Phan Việt

Các khách hàng khác  
Các đối tượng khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.650.364	(32.650.364)	32.650.364	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	1.456.000	(1.456.000)	1.456.000	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	58.372.694.009	-	43.096.407.119	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	3.170.413.387	-	8.348.563.550	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dờ dang</i>	82.197.295	-	155.987.195	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	55.120.083.327	-	34.591.856.374	-
Thành phẩm	528.730.757	(528.730.757)	528.730.757	(528.730.757)
Hàng hóa	64.770.451	(64.770.451)	64.770.451	(64.770.451)
<b>Cộng</b>	<b>59.000.301.581</b>	<b>(627.607.572)</b>	<b>43.724.014.691</b>	<b>(627.607.572)</b>

**12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	854.759.656	1.154.230.870	2.008.990.526
Mua trong năm	-	51.690.409	51.690.409
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>854.759.656</b>	<b>1.205.921.279</b>	<b>2.060.680.935</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	255.965.042	86.075.169	342.040.211
Khấu hao trong năm	85.804.656	159.466.701	245.271.357
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>341.769.698</b>	<b>245.541.870</b>	<b>587.311.568</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2016	598.794.614	1.068.155.701	1.666.950.315
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>512.989.958</b>	<b>960.379.409</b>	<b>1.473.369.367</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền phần mềm VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2016 và tại ngày 31/12/2016	50.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	30.008.015
Khấu hao trong năm	5.000.004
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>35.008.019</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2016	19.991.985
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>14.991.981</b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>i. Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.842.590.331	15.842.590.331	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>ii. Dài hạn</b>				
Vốn hợp tác đầu tư		137.713.580.960		190.602.754.156

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện giá trị phần góp vốn của Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên. Trong kỳ, Công ty ghi giảm vốn hợp tác đầu tư do được hoàn trả vốn tương ứng với tỷ lệ góp vốn từ nguồn thặng dư của phí giao thông thu được sau khi thanh toán các khoản nợ vay, lãi vay và các chi phí hoạt động phát sinh liên quan đến việc thu phí giao thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**h. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	542.750.344.663	-		828.193.006.690
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	430.425.833.333	-		430.425.833.333
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	335.996.028.454	-		335.996.028.454
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	300.659.554.167	-		300.659.554.167
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	258.876.000.000	-		258.876.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (ii)	-	-		-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (iii)	83.458.125.772	-		-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	78.000.000.000	-		78.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.030.165.886.389</b>	-	-	<b>2.232.150.422.644</b>

(i). Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thoái một phần vốn tại Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn theo tiến độ nhận lại vốn đầu tư hoàn trả từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với dự án B.T xây dựng cầu Sài Gòn 2.

(ii). Ngày 10 tháng 5 năm 2016, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII nhằm mục đích thực hiện đầu tư vào các dự án cầu đường. Vốn điều lệ của công ty con là 255 tỷ VND, trong đó tỷ lệ sở hữu của Công ty là 99,99%.

(iii). Ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty hoàn tất thủ tục mua lại 2% vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu, nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết này từ 49,75% lên 51,75%, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu trở thành công ty con của Công ty.

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính, riêng kèm theo*

MẪU SỐ B 09a-DN

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	-	-	231.625.210.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-	-	63.568.623.284
<b>Cộng</b>	<b>154.483.480.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>295.193.833.284</b>

Trong năm, Công ty đã nhận lại tiền vốn góp thừa từ Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận cho đúng với vốn điều lệ đã đăng ký trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần.

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán các khoản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	19.883.108.451	19.883.108.451	13.903.900.656	13.903.900.656
Công ty CP Kỹ thuật Đông Phương	670.247.389	670.247.389	-	-
Các nhà cung cấp khác	696.483.361	696.483.361	3.222.881.273	3.222.881.273
<b>Cộng</b>	<b>21.249.839.201</b>	<b>21.249.839.201</b>	<b>17.126.781.929</b>	<b>17.126.781.929</b>

*Trong đó, phải trả các bên liên quan*

Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	19.883.108.451	19.883.108.451	13.903.900.656	13.903.900.656
<b>Cộng</b>	<b>19.883.108.451</b>	<b>19.883.108.451</b>	<b>13.903.900.656</b>	<b>13.903.900.656</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.110.797.025	-	66.634.530	1.177.431.555
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	-	-	576.571.588
<b>Cộng</b>	<b>1.687.368.613</b>	<b>-</b>	<b>66.634.530</b>	<b>1.754.003.143</b>

**b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng	-	4.240.000	4.240.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.600.000	10.600.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.758.364	674.738.898	667.848.585	17.648.677
Các loại thuế khác	-	22.864.782	22.864.782	-
<b>Cộng</b>	<b>10.758.364</b>	<b>712.443.680</b>	<b>705.553.367</b>	<b>17.648.677</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	7.597.432.143	8.147.531.736
Chi phí thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị phải trả	-	3.048.532.072
Chi phí phải trả khác	42.500.000	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.639.932.143</b>	<b>11.261.063.808</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	52.710.190.011	20.459.140.258
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần công ty con từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	13.600.155.264	102.292.870.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	646.090.748	461.901.664
<b>Cộng</b>	<b>66.956.436.023</b>	<b>123.213.911.922</b>
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.252.220.500	78.252.220.500
<b>Cộng</b>	<b>78.252.220.500</b>	<b>78.252.220.500</b>
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (i)	52.710.190.011	20.459.140.258
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	13.600.155.264	102.292.870.000
<b>Dài hạn</b>		
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (ii)	78.000.000.000	78.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>144.310.345.275</b>	<b>200.752.010.258</b>

(i) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận từ công ty con này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu chưa công bố chính thức việc chia lợi nhuận nên Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

(ii) Số dư tiền nhận ký quỹ, ký cược từ Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lũ Gia mà Công ty đang nắm giữ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát đối với Công ty CP Cơ khí điện Lũ Gia.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**a. Ngân hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	385.708.750.000	385.708.750.000	-	77.141.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	-	11.436.092.197	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	-	4.020.100.000	-
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>385.708.750.000</b>	<b>385.708.750.000</b>	<b>15.456.192.197</b>	<b>92.597.942.197</b>
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 19.b)	88.727.066.667	88.727.066.667	-	-
<b>Cộng</b>	<b>474.435.816.667</b>	<b>474.435.816.667</b>	<b>64.501.000.000</b>	<b>527.351.500.000</b>
				Giá trị có khả năng thanh toán VND
				462.850.500.000
				462.850.500.000

(i). Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để đầu tư vào dự án. Lãi suất vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b. Dài hạn**

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn						
(ii)	402.479.568.925	402.479.568.925	-	200.000.000	402.679.568.925	402.679.568.925
Ngân hàng TMCP Bản Việt (iii)	145.000.000.000	145.000.000.000	145.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv)	15.710.000.000	15.710.000.000	270.705.000.000	254.995.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	18.400.000.000	18.400.000.000	18.400.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	-	160.336.899.750	160.336.899.750	160.336.899.750
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>581.589.568.925</b>	<b>581.589.568.925</b>	<b>434.105.000.000</b>	<b>415.531.899.750</b>	<b>563.016.468.675</b>	<b>563.016.468.675</b>
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(88.727.066.667)	(88.727.066.667)	-	-	(64.501.000.000)	(64.501.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>492.862.502.258</b>	<b>492.862.502.258</b>			<b>498.515.468.675</b>	<b>498.515.468.675</b>

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu. Thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 219 tỷ VND và 72 tháng tính từ ngày 2 tháng 12 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 191.920 tỷ VND. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii). Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 145 tỷ VND. Thời hạn vay là 2 năm, ngày đáo hạn của khoản vay là 20 tháng 7 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 9,5%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc để đảm bảo cho khoản vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(iv). Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII và thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 300 tỷ VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2016. Lãi suất áp dụng trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, lãi suất này sau đó được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần với biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng các lợi ích thu được trong tương lai từ việc đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay này sau khi đảm bảo các nghĩa vụ của CII với Viettinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 phát hành bởi CII ngày 17 tháng 4 năm 2013.

**Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	88.727.066.667	64.501.000.000
Trong năm thứ hai	123.080.933.333	71.043.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	176.514.000.000	139.386.899.750
Sau năm năm	193.267.568.925	288.085.568.925
<b>Cộng</b>	<b><u>581.589.568.925</u></b>	<b><u>563.016.468.675</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(88.727.066.667)</u>	<u>(64.501.000.000)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>492.862.502.258</u></b>	<b><u>498.515.468.675</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	225.169.550.000	-	(5.362.083.904)	8.180.864.378	66.938.987.652	294.927.318.126
Tăng vốn trong năm	1.703.378.100.000	-	-	-	-	1.703.378.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	177.604.238.039	177.604.238.039
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.807.748.096	5.362.083.904	-	-	9.169.832.000
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	-	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(99.373.259.000)	(99.373.259.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.880.212.000	(8.880.212.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	-	-	(532.813.000)	(532.813.000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	-	-	6.916.834.000	6.916.834.000
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>-</b>	<b>17.061.076.378</b>	<b>142.673.775.691</b>	<b>2.091.940.250.165</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	352.946.285.916	352.946.285.916
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(115.712.859.000)	(115.712.859.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(123.427.049.600)	(123.427.049.600)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	17.565.420.000	(17.565.420.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HDQT	-	-	-	-	(1.941.947.189)	(1.941.947.189)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>-</b>	<b>34.626.496.378</b>	<b>236.972.785.818</b>	<b>2.203.804.680.292</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**b. Cổ phần**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

**c. Cổ tức**

Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức đợt cuối của năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2015 với tỷ lệ 6%, cổ tức đợt 1 của năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 với tỷ lệ là 6,4%.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	1.548.000.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.428.964.210	4.677.989.654
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	56.441.367.432	134.063.195.887
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	87.845.119	1.401.369.410
<b>Cộng</b>	<b>60.958.176.761</b>	<b>141.690.555.222</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	76.453.811	136.365.805
<b>Cộng</b>	<b>76.453.811</b>	<b>136.365.805</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>60.881.722.950</b>	<b>141.554.189.417</b>

*Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan*

	2016	2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	9.005.413.328	7.175.610.760
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	590.892.000	590.892.000
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	3.237.606.612	2.804.900.000
<b>Cộng</b>	<b>12.833.911.940</b>	<b>10.571.402.760</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2016	2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	1.548.000.271
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	717.657.271	178.810.331
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	56.866.075.200	130.043.308.379
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	73.789.900	1.347.470.308
<b>Cộng</b>	<b>57.657.522.371</b>	<b>133.117.589.289</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2016	2015
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	415.612.216.134	241.727.619.150
<i>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	<i>199.708.557.059</i>	<i>154.853.271.144</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</i>	<i>118.935.040.453</i>	<i>57.307.658.030</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	<i>44.610.563.254</i>	<i>29.566.689.976</i>
<i>Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận</i>	<i>16.398.211.568</i>	-
<i>Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình</i>	<i>35.959.843.800</i>	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiềc	19.667.092.390	32.032.393.439
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.183.999.241	18.350.079.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	521.683	1.117.153
<b>Cộng</b>	<b>481.463.829.448</b>	<b>292.111.209.542</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	55.743.546.571	45.217.832.492
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng	-	51.541.404.906
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	70.036.852.027	19.781.915.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá	310.945	-
Chi phí tài chính khác	-	78.699.100
<b>Cộng</b>	<b>125.780.709.543</b>	<b>116.619.851.866</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	3.023.199.554	1.431.745.991
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	158.195.344	303.082.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.466.705	91.075.173
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.710.092	1.270.451.560
Chi phí thuê văn phòng	420.000.000	420.000.000
Chi phí tiếp khách	233.570.905	173.264.001
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.656.909.724	2.151.522.187
<b>Cộng</b>	<b>5.658.052.324</b>	<b>5.841.141.743</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.048.199.554	1.431.745.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.271.361	176.879.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.712.357.016	136.650.388.891
Chi phí bằng tiền khác	2.183.211.615	1.225.364.023
<b>Cộng</b>	<b>74.194.039.546</b>	<b>139.484.378.734</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2016	2015
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>352.946.285.916</b>	<b>177.604.238.039</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(435.279.308.524)	(273.760.012.589)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(435.279.308.524)</i>	<i>(273.760.012.589)</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	15.745.875.201	19.010.461.987
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư khác</i>	<i>15.716.195.201</i>	<i>18.954.057.114</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>29.680.000</i>	<i>56.404.873</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(66.587.147.407)</b>	<b>(77.145.312.563)</b>
<b>Lỗ tính thuế mang sang</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>(66.587.147.407)</b>	<b>(77.145.312.563)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	967.298.318.925	1.025.866.968.675
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(2.404.636.811)	(6.719.447.716)
<b>Nợ thuần</b>	<b>964.893.682.114</b>	<b>1.019.147.520.959</b>
Vốn chủ sở hữu	2.203.804.680.292	2.091.940.250.165
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>44%</b>	<b>49%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	2.404.636.811	6.719.447.716
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.842.590.331	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	41.531.034.022	43.652.989.087
Phải thu về cho vay	460.460.921.296	374.088.332.744
Phải thu khác	444.706.314.835	148.526.954.730
Đầu tư tài chính dài hạn	2.322.362.947.349	2.717.947.010.084
<b>Cộng</b>	<b>3.287.308.444.644</b>	<b>3.305.934.734.361</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	967.298.318.925	1.025.866.968.675
Phải trả người bán	21.249.839.201	17.126.781.929
Chi phí phải trả	7.639.932.143	11.261.063.808
Phải trả khác	898.311.248	714.122.164
<b>Cộng</b>	<b>997.086.401.517</b>	<b>1.054.968.936.576</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.746.000	22.854.730

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và tương đương tiền	2.404.636.811	-	2.404.636.811
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.842.590.331	-	15.842.590.331
Phải thu khách hàng	41.531.034.022	-	41.531.034.022
Phải thu về cho vay	229.035.671.296	231.425.250.000	460.460.921.296
Phải thu khác	438.885.817.323	5.820.497.512	444.706.314.835
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.322.362.947.349	2.322.362.947.349
<b>Cộng</b>	<b>727.699.749.783</b>	<b>2.559.608.694.861</b>	<b>3.287.308.444.644</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay	474.435.816.667	492.862.502.258	967.298.318.925
Phải trả người bán	21.249.839.201	-	21.249.839.201
Chi phí phải trả	7.639.932.143	-	7.639.932.143
Phải trả khác	646.090.748	252.220.500	898.311.248
<b>Cộng</b>	<b>503.971.678.759</b>	<b>493.114.722.758</b>	<b>997.086.401.517</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>223.728.071.024</b>	<b>2.066.493.972.103</b>	<b>2.290.222.043.127</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và tương đương tiền	6.719.447.716	-	6.719.447.716
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	43.652.989.087	-	43.652.989.087
Phải thu về cho vay	142.663.082.744	231.425.250.000	374.088.332.744
Phải thu khác	148.526.954.730	-	148.526.954.730
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.717.947.010.084	2.717.947.010.084
<b>Cộng</b>	<b>356.562.474.277</b>	<b>2.949.372.260.084</b>	<b>3.305.934.734.361</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay	527.351.500.000	498.515.468.675	1.025.866.968.675
Phải trả người bán	17.126.781.929	-	17.126.781.929
Chi phí phải trả	11.261.063.808	-	11.261.063.808
Phải trả khác	461.901.664	252.220.500	714.122.164
<b>Cộng</b>	<b>556.201.247.401</b>	<b>498.767.689.175</b>	<b>1.054.968.936.576</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(199.638.773.124)</b>	<b>2.450.604.570.909</b>	<b>2.250.965.797.785</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty mẹ của tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn

**Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau**

	2016 VND	2015 VND
<b>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Cho vay	426.400.000.000	262.000.000.000
Nhận lại tiền cho vay	340.027.411.448	119.336.917.256
Lãi cho vay	15.292.747.961	2.994.289.767
Thu lãi cho vay	13.178.913.532	2.209.642.812
Nhận tiền vay	18.400.000.000	1.011.347.250.000
Thanh toán tiền vay	77.141.750.000	548.496.750.000
Chi phí lãi vay	19.819.306.620	29.487.249.741
Nhận vốn góp	-	1.557.000.000.000
Thanh toán cổ tức trong năm	173.598.694.720	52.770.990.800
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	19.667.092.390	32.032.393.439
Thu tiền lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	-	7.389.543.057
Thu tiền hoàn vốn góp đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư cầu Rạch Chiếc	-	21.640.673.340
Nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	1.034.995.010.784
Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp các công ty cầu đường	-	69.388.891.262
Thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	1.736.274.258.833
Thanh toán lãi do chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	68.960.388.596
Thu tiền cho thuê mặt bằng	649.980.000	324.990.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng	590.892.000	590.892.000
<b>Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia</b>		
Chi phí thuê mặt bằng	1.026.583.532	491.057.533
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	1.013.741.885	771.163.286
Thu tiền thanh lý bất động sản đầu tư và bất động sản đầu tư	-	18.123.403.068
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	400.000.000
Thu tiền hỗ trợ vốn	-	405.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

**Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau**

	2016 VND	2015 VND
Lương và thưởng	1.862.040.000	1.051.376.000

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo năm nay.



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu  
Ngày 28 tháng 2 năm 2017



**Nguyễn Văn Thông**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc





**Trụ sở chính tại Hà Nội:**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex  
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung  
Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội  
ĐT: (04) 6664 2777 Fax: (04) 6664 3777  
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

**Head Office in Hanoi:**

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex  
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward  
Thanh Xuan District, Ha Noi City  
Tel: (+84 4) 6664 2777 Fax: (+84 4) 6664 3777  
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

**Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:**

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn  
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 3547 2323 Fax: (08) 3547 2579  
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

**Branch in Ho Chi Minh City:**

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son  
Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84 8) 3547 2323 Fax: (+84 8) 3547 2579  
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

**Chi nhánh tại Hải Phòng:**

4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng  
ĐT: (031) 3797 268 Fax: (031) 3797 269  
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

**Branch in Hai Phong City:**

4 Nguyen Trai, May To Ward  
Ngo Quyen District, Hai Phong City  
Tel: (+84 31) 3797 268 Fax: (+84 31) 3797 269  
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

**Chi nhánh tại Thanh Hóa:**

30 Từ Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ  
Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
ĐT: (037) 3758 959 Fax: (037) 8886 866  
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

**Branch in Thanh Hoa Province:**

30 Tu Dao Hanh, Dong Tho Ward  
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province  
Tel: (+84 37) 3758 959 Fax: (+84 37) 8886 866  
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn